

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN
HOANG LIEN SON TECHCAL CERAMICS JOINT STOCK COMPANY

Số 93, đường Lê Lợi, P.Yên Ninh, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái
Tel: 0216.3852477; 0126.2210388 - Fax: 0216.3853083
E-mail: info@hoceratec.com.vn - Website: http://www.hoceratec.com.vn



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT
HOÀNG LIÊN SƠN

Tháng 3 năm 2021

PHẦN I - TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỨ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SƠN

I. THÔNG TIN CHUNG

- Tên tiếng việt: **Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn**
- Tên giao dịch quốc tế: **Hoang Lien Son Technical Ceramics Joint Stock Company**
- Tên viết tắt: **HOCERATEC**
- Vốn điều lệ: 81.599.210.000 đồng (Tám mươi một tỷ năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm mười nghìn đồng).
- Giấy chứng nhận ĐKKD và đăng ký thuế số 5200216710 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Yên Bái cấp ngày 01/01/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 09/09/2020.
- Địa chỉ: Số 93 - Đường Lê Lợi - Phường Yên Ninh - Thành phố Yên Bái - Tỉnh Yên Bái
- Điện thoại: 0216 3 852477 - 0216 2 210388 Fax: 0216 3 853083
- Website: www.hoceratec.com.vn ; Email: info@hoceratec.com.vn
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần

II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY

1. Quá trình hình thành và phát triển

- **Thành lập:** Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn (*sau đây gọi là "Công ty"*) tiền thân là doanh nghiệp Nhà nước (Xí nghiệp Sứ Hoàng Liên Sơn) được thành lập năm 1980 theo Quyết định số 38/TTg ngày 13/02/1981 của Thủ tướng Chính phủ.
- **Từ năm 1979 - 1991:** Nhà máy Sứ Hoàng Liên Sơn là doanh nghiệp quốc doanh thuộc tỉnh Hoàng Liên Sơn, năng lực sản xuất 720 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 1992** Nhà máy sứ Hoàng Liên Sơn được thành lập lại theo Quyết định số 220/QĐ-UB ngày 29/12/1992 của UBND tỉnh Yên Bái lấy tên là Công ty Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn.
- **Năm 1993** đầu tư tăng năng lực sản xuất lên 750 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 2000** đầu tư tăng năng lực lên 1.750 tấn sản phẩm/năm.
- **Năm 2004** đầu tư tăng năng lực lên 2.750 tấn sản phẩm/năm.
- Cổ phần hóa chuyển từ doanh nghiệp Nhà nước Công ty Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn thành Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn từ ngày 01/01/2004.
- Vốn điều lệ tại thời điểm cổ phần hoá: 8.458.600.000 đồng.
Trong đó: Vốn nhà nước (UBND tỉnh Yên Bái): 4.739.600.000 đồng
Vốn cổ đông là người lao động (NLĐ) trong công ty: 3.719.000.000 đồng
- **Năm 2008:** Vốn điều lệ tại thời điểm 30/5/2008: 35.000.000.000 đồng
- Ngày 14/08/2008: Công ty đã được UBCK Nhà nước chấp thuận là công ty đại chúng.
- **Năm 2009:** Vốn điều lệ tại thời điểm 28/02/2009: 29.740.000.000 đồng
- **Năm 2010 đến 5/2016:**

- Vốn điều lệ công ty đến thời điểm 15/7/2010: 34.000.000.000 đồng
- **Tháng 6/2016:** Vốn điều lệ công ty: 34.000.000.000 đồng
- Ngày 24/5/2016 Tổng công ty Công nghiệp tàu thủy (SBIC) thoái toàn bộ vốn Nhà nước tại Công ty 4.739.600.000 đồng cho các nhà đầu tư trúng đấu giá, kể từ thời điểm này cơ cấu vốn điều lệ thay đổi, Nhà nước không còn sở hữu vốn tại công ty.
- **Tháng 3/2017:** Công ty được Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam (VSD) cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán lần đầu (số 70/2017/GCNCP-VSD ngày 30/03/2017), mã chứng khoán HLS.
- **Tháng 9/2017:** Vốn điều lệ công ty: 54.399.990.000 đồng
- **Tháng 10/2017:** Công ty được Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty (Quyết định số 841/QĐ-SGDHN ngày 05/10/2017).
- **Tháng 6/2018:** Vốn điều lệ công ty: 65.279.560.000 đồng
- **Tháng 9/2020:** Vốn điều lệ công ty: 81.599.210.000 đồng

2. Các sự kiện khác

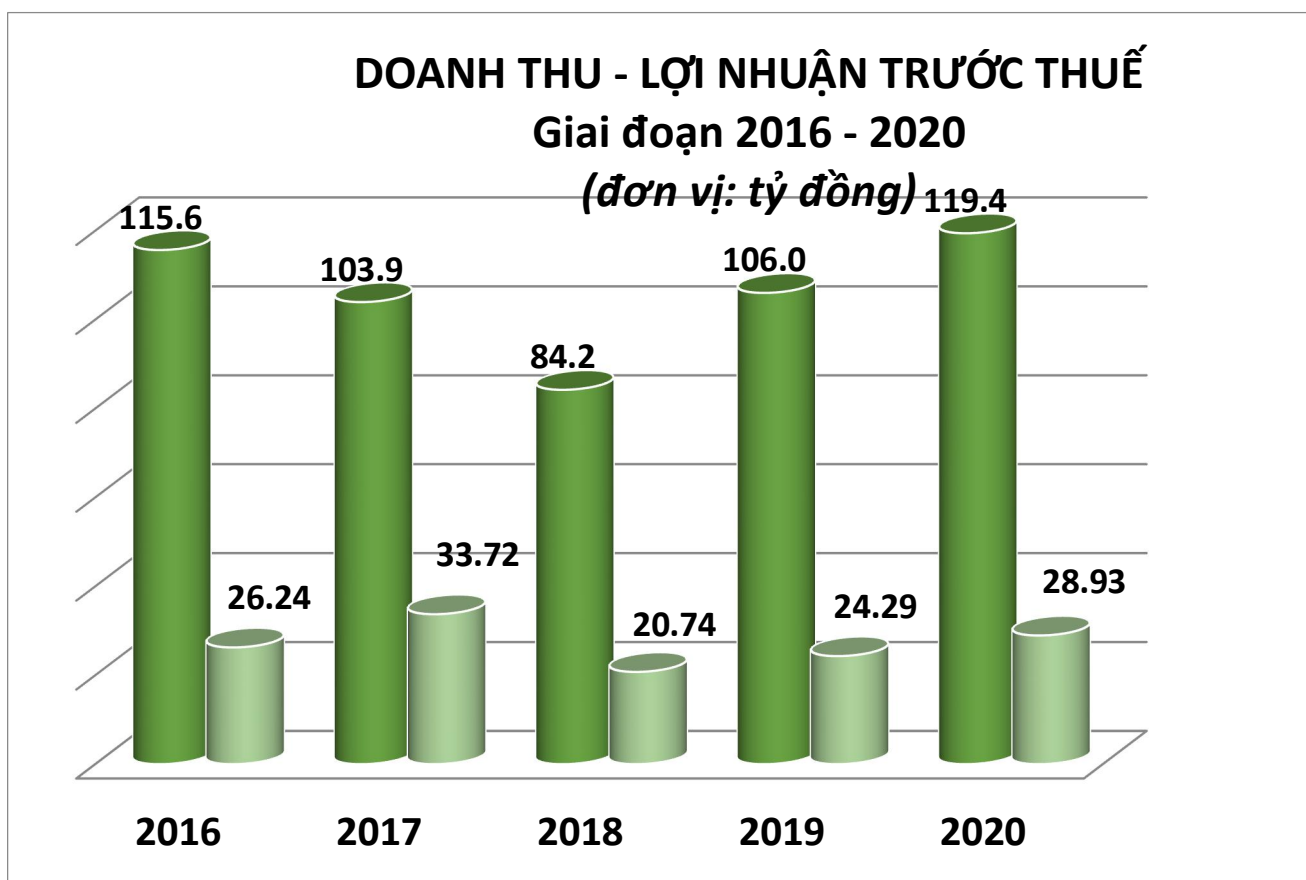
Công ty đã đạt giải thưởng Quả cầu vàng chất lượng Việt Nam; Giải thưởng chất lượng Quốc tế Châu Á - Thái Bình Dương; Cúp vàng thương hiệu Việt; Giải thưởng "Thương hiệu xanh phát triển"; Bằng khen, Cờ thi đua của Chính phủ, Huân chương lao động Hạng III; Danh hiệu "Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới"; Giải thưởng 100 Thương hiệu Việt bền vững lần 3 năm 2017; Giải thưởng Doanh nghiệp vì người lao động năm 2016; Top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam năm 2018; Thương hiệu Việt Nam bền vững năm 2019; Doanh nghiệp có sản phẩm đạt Thương hiệu quốc gia Việt Nam giai đoạn 2020-2022... và nhiều bằng khen, cờ thi đua của UBND tỉnh Yên Bái, Bộ Công thương, Bảo hiểm XH Việt Nam & của các Bộ ngành, Đảng uỷ Khối doanh nghiệp Trung ương và Tổng Liên đoàn lao động Việt Nam.

3. Tình hình phát triển

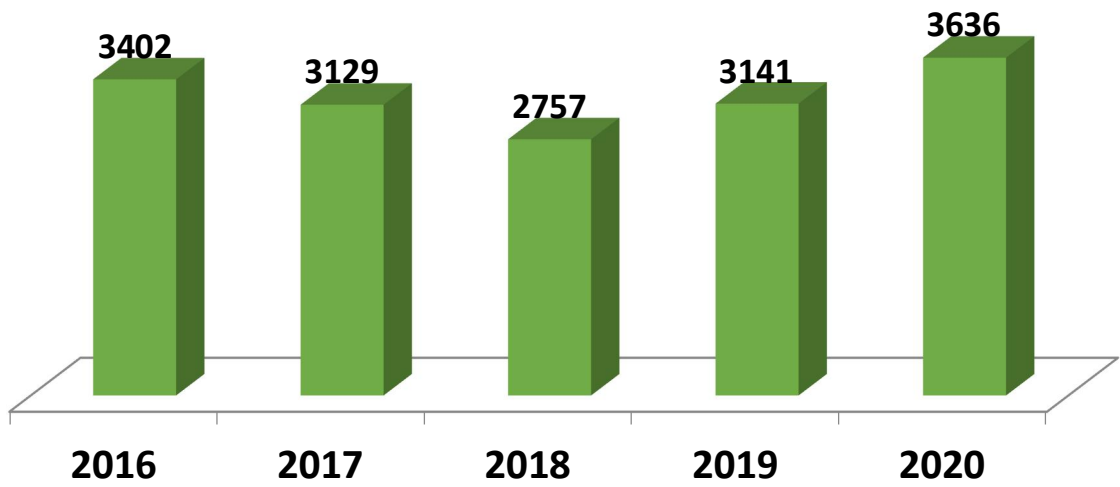
- Năng lực sản xuất theo thiết kế: 2.750 tấn sản phẩm/năm
- Năng lực sản xuất có thể khai thác: 3.200 tấn sản phẩm/năm
- Thiết bị sản xuất chính do Cộng hoà Liên bang Đức chế tạo đạt trình độ trung bình tiên tiến trên thế giới; mức độ tự động hoá 40%, 60% cơ khí hoá.
- Sản phẩm sản xuất: Sứ cách điện các loại có cấp điện áp đến 110kV, gồm 05 nhóm sản phẩm chính (Sứ đỡ đường dây, sứ máy biến áp, sứ cầu dao, sứ cầu chì và các loại sứ khác như sứ vỏ sét van, sứ xuyên tường, sứ máy cắt, các loại sứ kỹ thuật khác ...) Sản phẩm được sản xuất, kiểm tra, thử nghiệm theo tiêu chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn quốc tế IEC, DIN, ANSI, JIS...
- Công ty áp dụng đồng thời 3 Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế: ISO 9001:2015; ISO 14001:2015; ISO/IEC 17025: 2005.

- Kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh trong cả nhiệm kỳ 5 năm (2016 - 2020):

Chi tiêu	Đơn vị	2016	2017	2018	2019	2020	Tỷ lệ so sánh (%)			
							2017/ 2016	2018/ 2017	2019/ 2018	2020/ 2019
Sản lượng SX	Tấn	3.402	3.129	2.757	3.141	3.636	92%	88%	114%	116%
Doanh thu	Tỷ đồng	115,64	103,93	84,20	106,00	119,42	90%	81%	126%	113%
<i>Trong đó: Xuất khẩu</i>	Tỷ đồng	12,91	17,01	5,87	12,91	10,12	132%	35%	220%	78%
Nộp Ngân sách	Tỷ đồng	15,12	15,01	6,21	9,50	30,78	99%	41%	153%	408%
Nộp BHXH, BHYT	Tỷ đồng	4,39	4,77	4,43	4,50	4,46	109%	93%	102%	99%
Thu nhập bình quân	triệuđồng /ng/tháng	8,900	7,898	7,800	8,100	8,300	89%	99%	104%	102%
Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	26,242	33,721	20,741	24,292	28,938	129%	62%	117%	119%
Lợi nhuận sau thuế	tỷ đồng	18,088	26,970	16,587	19,387	24,865	149%	62%	117%	128%
Lãi cơ bản/ cổ phần	đồng	4.682	4.363	2.743	2.970	3.093	93%	63%	108%	104%
Cổ tức	%	70,0	50,0	15,0	32,0	<i>ước 26,0</i>	71%	30%	213%	81%

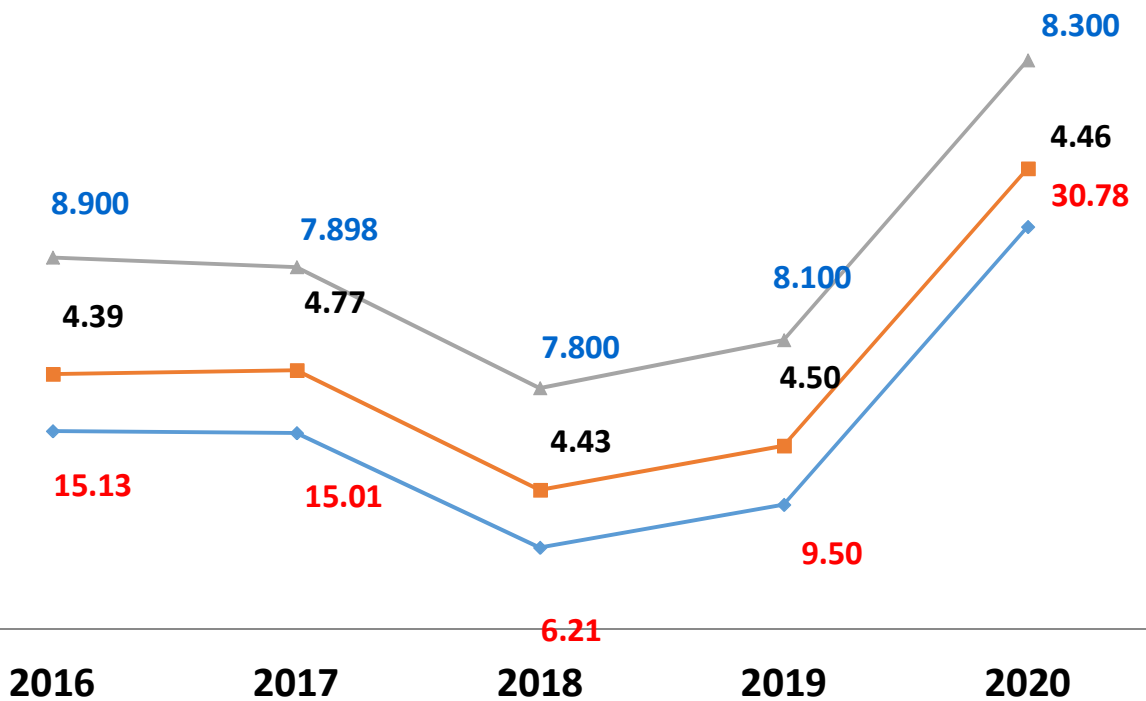


SẢN LƯỢNG SẢN XUẤT 2016 - 2020
(Đơn vị: Tấn)



NỘP NGÂN SÁCH - BẢO HIỂM - THU NHẬP BQ
(Giai đoạn 2016 - 2020)

◆ Nộp ngân sách ■ Nộp BHXH, BHYT ▲ Thu nhập bình quân



III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

1. Ngành nghề kinh doanh

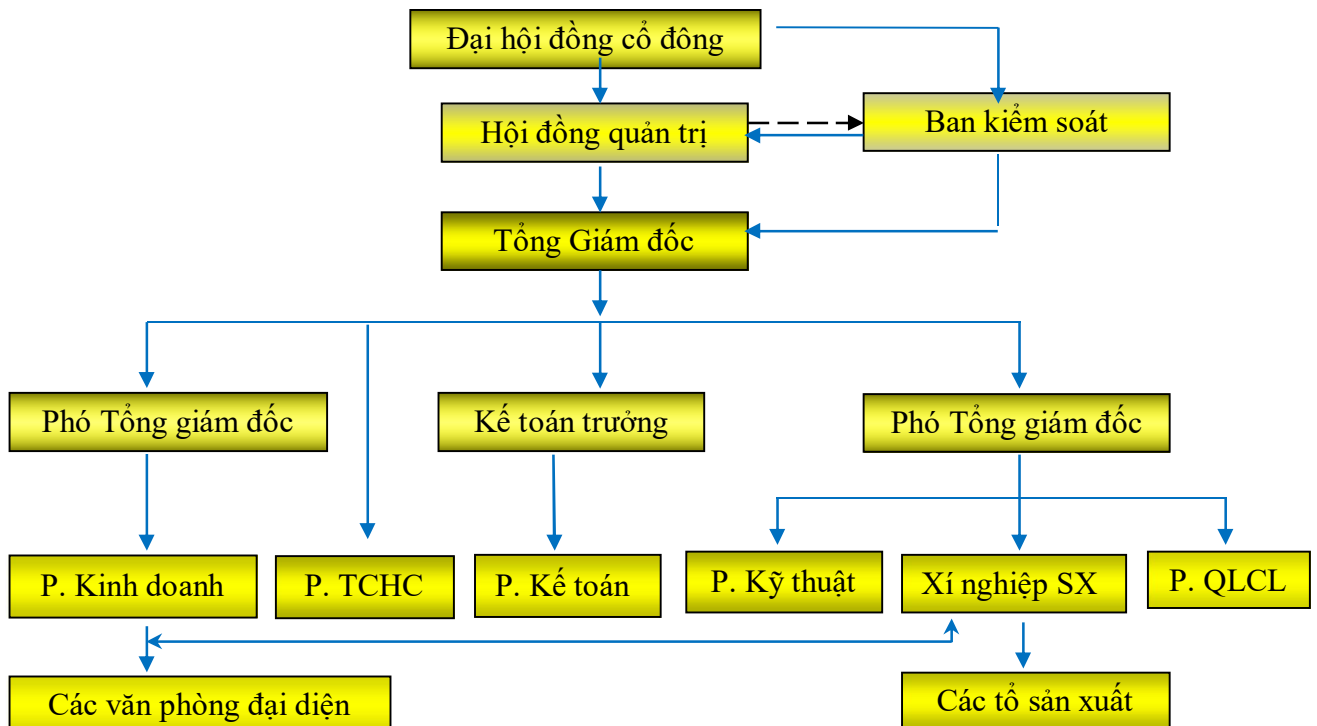
- a) Sản xuất, kinh doanh sứ cách điện, gồm sứ kỹ thuật, vật liệu chịu lửa, thủy tinh cách điện, polymer cách điện và các phụ kiện đồng bộ; sản xuất, kinh doanh, xuất khẩu thiết bị điện cho đường dây và trạm;
- b) Kinh doanh xuất, nhập khẩu trực tiếp nguyên, nhiên, vật liệu, tư liệu để sản xuất sứ cách điện, gồm sứ kỹ thuật, vật liệu chịu lửa, thủy tinh cách điện, polymer cách điện và thiết bị bảo vệ đường dây;
- c) Nhập khẩu trực tiếp máy móc, thiết bị sản xuất;
- d) Khai thác, chế biến, xuất nhập khẩu khoáng sản;
- đ) Kinh doanh bán buôn bán lẻ xăng dầu và các sản phẩm liên quan;
- e) Chế biến cao lanh, thạch anh, fenspat;
- f) Khai thác cao lanh, thạch anh, fenspat;
- g) Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- h) Các ngành nghề khác mà pháp luật không cấm.

2. Địa bàn kinh doanh

- Thị trường tiêu thụ sản phẩm sứ cách điện là các đơn vị thuộc Tập đoàn Điện lực Việt Nam tại 63 tỉnh, thành phố trong nước; Thị trường xuất khẩu gồm các nước: Thái Lan, Malaysia, Lào...
- Bình quân mỗi năm công ty sản xuất, tiêu thụ 3.000 tấn sản phẩm.

IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý, điều hành trong công ty



2. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành công ty

2.1. Hội đồng quản trị:

❖ Tóm tắt lý lịch Hội đồng quản trị:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	năm sinh	Trình độ văn hoá	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Khắc Sơn (Quốc tịch: Việt Nam)	Chủ tịch HĐQT	1962	10/10	Kỹ sư công nghệ vật liệu xây dựng
2	Ông Nguyễn Thanh Hà (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	1965	10/10	Cử nhân kinh tế; kỹ sư KT xây dựng
3	Ông Vũ Ngọc Sơn (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế
4	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế
5	Ông Vũ Ngọc Cường (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT	1985	12/12	Đại học

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Hội đồng Quản trị:

Số TT	Họ và tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Ông Nguyễn Khắc Sơn	Tổ 11, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	528.000	5.280,00	6,47	060146541
2	Ông Nguyễn Thanh Hà	Số 964 đường Yên Ninh, Tổ 9, P.Minh Tân TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	122.400	1.244,00	1,50	063167199
3	Ông Vũ Ngọc Sơn	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	144.000	1.440,00	1,76	060166014
4	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	602.135	6.021,35	7,38	060577485
5	Ông Vũ Ngọc Cường	Số 39, Đỗ Ngọc Thạnh, P.14, Q.5, TP.Hồ Chí Minh	870.551	8.705,51	10,67	013639883

2.2. Ban Kiểm soát:

❖ Tóm tắt lý lịch Ban Kiểm soát:

Số TT	Họ và tên	Chức vụ	năm sinh	Trình độ văn hoá	Trình độ chuyên môn
1	Bà Đinh Thị Lục (Quốc tịch: Việt Nam)	Trưởng Ban kiểm soát	1951	10/10	Trung cấp xây dựng
2	Ông Vũ Tuấn Việt (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên Ban kiểm soát	1983	12/12	Cử nhân TCNH
3	Ông Nguyễn Kim Cương (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên Ban kiểm soát	1973	12/12	Cử nhân kinh tế

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban Kiểm soát:

Số TT	Họ và tên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Bà Đinh Thị Lục	Tổ 48, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	475.000	4.750,00	5,82	060164784
1	Ông Vũ Tuấn Việt	Tổ 44, P.Hồng Hà, TP.Yên Bái, Tỉnh Yên Bái	25.703	257,03	0,31	060686116

2	Ông Nguyễn Kim Cương	Số 16, Ngõ 5, Phố Hoàng Sâm, Tổ 36, P.Nghĩa Đô, Q.Cầu Giấy, TP.Hà Nội	1.680	16,80	0,02	012162159
---	----------------------	---	-------	-------	------	-----------

2.3. Ban điều hành

- (Chi tiết nêu tại khoản 1, mục II, Phần II).

V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

- Căn cứ vào Quyết định số 1208/QĐ-TTg ngày 21/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển Điện lực quốc gia giai đoạn 2011-2020 (Quy hoạch điện VII) và giai đoạn 2021 - 2030 và thời kỳ 2031 - 2045 (Quy hoạch điện VIII);
- Căn cứ vào Quy hoạch phát triển Công nghiệp tỉnh Yên Bái giai đoạn 2010 -2020 được phê duyệt tại Quyết định số 1120/QĐ-UBND ngày 15/7/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Yên Bái lần thứ XVIII nhiệm kỳ 2015-2020 và lần thứ XIX, nhiệm kỳ 2020 - 2025.
- Căn cứ vào qui hoạch phát triển của Công ty giai đoạn 2020-2025.

1. Các mục tiêu chủ yếu của công ty trong nhiệm kỳ 2020 - 2025

- Sản xuất kinh doanh có hiệu quả; bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu; đảm bảo hài hoà, tối đa lợi ích công ty, cổ đông, người lao động và xã hội; có tích lũy tài chính để tái đầu tư cho phát triển sản xuất, kinh doanh phù hợp với nhu cầu của thị trường; bảo vệ và phát triển thương hiệu công ty.
- Tiếp tục nghiên cứu, triển khai từng bước đổi mới, nâng cấp thiết bị sản xuất.
- Nghiên cứu, lập phương án đầu tư, điều chỉnh sản xuất phù hợp với hợp đồng thuê đất 50 năm.
- Sản lượng sản xuất: duy trì mức từ 3.200 tấn sản phẩm/ năm trở lên.
- Doanh thu: đạt 105 tỷ đồng/ năm trở lên.
- Duy trì tỉ lệ thu hồi sản phẩm nung bình quân: từ 90% trở lên.
- Nộp ngân sách và các khoản Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp đủ số phát sinh theo Luật định.
- Lợi nhuận bình quân hàng năm: Đạt từ 18% doanh thu trở lên.
- Mức trả cổ tức: Từ 15% năm trở lên.
- Thu nhập bình quân: Đạt 8,0 triệu đồng/người/tháng trở lên.
- Đảm bảo tốt nhiệm vụ an ninh, quốc phòng.
- Tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức Đảng và các tổ chức đoàn thể hoạt động.
- Trở thành đơn vị dẫn đầu sản xuất, kinh doanh sản phẩm sứ cách điện tại Việt Nam.

2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Về kinh doanh: Ổn định và giữ vững thị trường trong nước, phát triển thị trường xuất khẩu, trong đó ưu tiên là thị trường khu vực ASEAN. Tiếp tục đổi mới tổ chức hệ thống và phương thức bán hàng theo hướng phân phối toàn bộ sản phẩm qua các đại lý; lựa chọn các nhà cung cấp có năng lực cạnh tranh để nâng cao chất lượng cung ứng vật tư và dịch vụ phục vụ sản xuất kinh doanh.
- Về sản phẩm: Duy trì ổn định sản xuất và nâng cao chất lượng sản phẩm truyền thống; nghiên cứu sản xuất một số sản phẩm mới đáp ứng nhu cầu khách hàng như sứ máy cắt, lọc bụi, sứ cách điện cho trạm biến áp và truyền tải điện cấp điện áp từ 110kV - 220kV; các sản phẩm yêu cầu chất lượng cao hơn sản phẩm truyền thống để cung cấp cho các thị trường khó tính như EU, USA, Trung đông...
- Về Đầu tư thiết bị công nghệ:

- + Tiếp tục nghiên cứu để sản xuất sứ cao thế 110kV - 220kV và nâng cao độ bền cơ sản phẩm, giảm độ ẩm phơi liệu, tăng tỷ trọng tự động hoá trong gia công sản phẩm.
- + Tiếp tục nghiên cứu, triển khai từng bước đổi mới, nâng cấp thiết bị, công nghệ sản xuất (ưu tiên đầu tư nâng cấp thiết bị nung sản phẩm, thiết bị thí nghiệm - kiểm tra nguyên liệu đầu vào, sản phẩm đầu ra, thiết bị gia công nguyên liệu, máy lọc ép liệu, máy đùn chân không, máy tạo hình tự động,...).
- Đầu tư xây dựng cơ bản khác: Tiếp tục cải tạo, nâng cấp hệ thống nhà xưởng, đường nội bộ, các công trình bảo vệ môi trường, công trình phúc lợi.
- Về nhân lực: Sắp xếp cơ cấu hợp lý và thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng làm việc của đội ngũ lao động đáp ứng với yêu cầu đầu tư phát triển của công ty.
- Về vốn: Sử dụng vốn đúng mục đích, an toàn, có hiệu quả; tuân thủ pháp luật về quản lý tài chính; tuân thủ các quy định của pháp luật về chứng khoán.
- Về quản trị: Hoàn thiện và ổn định về tổ chức; cải tiến, hoàn thiện cơ chế quản trị nội bộ đảm bảo tuân thủ pháp luật, đáp ứng yêu cầu phát triển công ty; duy trì, cải tiến nâng cao hiệu quả hoạt động của các hệ thống quản lý chất lượng, môi trường, thử nghiệm, hợp chuẩn; áp dụng các biện pháp sử dụng tiết kiệm và hiệu quả tất cả các nguồn lực, các nguồn năng lượng, giảm thiểu chất thải, ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường; duy trì có hiệu quả các hệ thống quản lý, bảo đảm thực hiện mục tiêu chất lượng; xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

3. Các rủi ro

- Hoạt động sản xuất, kinh doanh của công ty chịu ảnh hưởng khi có sự thay đổi về giá cả nguyên, nhiên, vật liệu đầu vào. Trong đó đặc biệt là giá nhiên liệu và giá điện.
- Sản phẩm sản xuất của công ty hiện cung cấp chủ yếu cho ngành điện lực, nên bị chi phối bởi đầu tư của ngành điện, cạnh tranh quyết liệt với sản phẩm cùng loại của các nhà sản xuất trong nước và nước ngoài; sản phẩm chủ yếu là cáp điện áp trung, hạ thế (45kV trở xuống), chưa đầu tư sản xuất được các mặt hàng cung cấp cho khách hàng có yêu cầu kỹ thuật, chất lượng cao như EU, USA, Nhật Bản, Hàn Quốc... Do vậy, về lâu dài công ty cần đầu tư, nghiên cứu, cải tiến đổi mới thiết bị - công nghệ, giảm giá thành, cải tiến quản lý mới có thể mở rộng, phát triển được thị trường.

PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020

- Mặc dù gặp rất nhiều khó khăn, đặc biệt ảnh hưởng của đại dịch COVID-19, tuy nhiên, với sự điều hành sát sao của Ban Tổng giám đốc và sự cố gắng, nỗ lực cao của toàn thể người lao động công ty, năm 2020 công ty đã hoàn thành xuất sắc và vượt mức nhiều chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ, trong đó có những chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành vượt mức cao như: doanh thu, tiền về, sản lượng sản xuất, nộp ngân sách, tiếp tục duy trì giữ vững ổn định, bảo toàn vốn kinh doanh, có lợi nhuận tốt, đảm bảo việc làm, thu nhập đời sống và an sinh xã hội của người lao động; hoàn thành các nghĩa vụ với nhà nước.

- Kết quả cụ thể về tình hình thực hiện so với kế hoạch năm và so với cùng kỳ được thể hiện theo bảng tổng hợp các chỉ tiêu dưới đây:

TT	Diễn giải	Đơn vị	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020 (458 lò)	So với KH năm 2020 (%)	So với cùng kỳ 2019 (%)
1	Sản lượng sản xuất	Tấn	3.100	3.636	117,30	115,78
2	Sản lượng tiêu thụ	Tấn	3.100	3.906	126,01	123,96
3	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	103	119,42	115,95	112,65
	Trong đó: Xuất khẩu	Tỷ đồng	12	10,12	84,31	78,37
4	Tiền về	Tỷ đồng	112	134,51	120,10	116,18
5	Nộp ngân sách	Tỷ đồng	Đủ theo phát sinh	30,78	384,75	294,49
6	Nộp BHXH, BHYT, BHTN	Tỷ đồng		4,46	100,00	100,00
7	Lợi nhuận (trước thuế)	Tỷ đồng	17,5	28,938	165,27	119,13
8	Thu nhập bình quân	Triệu đ/ người/ tháng	≥ 8.0	8,3	103,75	102,47
9	Tỷ lệ thu hồi trung bình sản phẩm	Mộc TB = 77.0% (TB 2019: 78.0%);				
		Nung TB = 88,16% (TB 2019: 88,79%)				

II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

1. Ban điều hành

❖ Tóm tắt lý lịch Ban điều hành:

T T	Họ và tên	Chức vụ	năm sinh	Trình độ văn hoá	Trình độ chuyên môn
1	Ông Nguyễn Thanh Hà (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Tổng Giám đốc	1965	10/10	Cử nhân kinh tế; kỹ sư KT xây dựng
2	Ông Vũ Ngọc San (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế
3	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa (Quốc tịch: Việt Nam)	Thành viên HĐQT Phó Tổng Giám đốc	1962	10/10	Cử nhân kinh tế
4	Bà Vũ Nguyên Bình (Quốc tịch: Việt Nam)	Kế toán trưởng	1978	12/12	Cử nhân kinh tế

❖ Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết của Ban điều hành:

Số T T	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Giá trị cổ phần (triệu đồng)	Tỷ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Ông Nguyễn Thanh Hà	Số 1105 đường Yên Ninh, Tổ 3, P.Đồng tâm TP. Yên Bái, tỉnh Yên Bái	122.400	1.244,00	1,50	063167199

2	Ông Vũ Ngọc San	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	144.000	1.440,00	1,76	060166014
3	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	602.135	6.021,35	7,38	060577485
4	Bà Vũ Nguyên Bình	Tổ 28A, P.Nguyễn Thái Học, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	36.000	360,00	0,44	060579673

Quyền lợi của Ban điều hành được hưởng theo đơn giá khoán trong bộ đơn giá tiền lương của công ty. Tổng thu nhập năm 2020 của Ban điều hành là 1.997.210.700 đồng.

❖ **Những thay đổi trong Ban điều hành trong năm 2020:**

Năm 2020 không có sự thay đổi trong Ban điều hành.

2. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động

- Năm 2020, công ty duy trì số lao động thường xuyên 209 người (Trong đó: Nữ 83 người, đại học 54 người, cao đẳng 12 người, trung cấp 25 người, CNKT 113 người, LĐPT 5 người).
- Người lao động làm việc tại công ty theo khả năng đóng góp của mỗi cá nhân, được hưởng các quyền lợi, chế độ chính sách và phúc lợi theo quy định của Bộ Luật lao động, Điều lệ công ty, thỏa ước lao động tập thể và bộ đơn giá tiền lương của công ty.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN

- Trong năm đã đầu tư máy móc thiết bị, XDCB và sửa chữa cải tạo một số hạng mục công trình như: Lò nung thí nghiệm, máy tráng men tự động TQ, hệ thống PCCC, tháp và téc nước, nhà đóng bao bì gỗ, kho phụ kiện, nhà tạm để xe máy, xây tường rào, đổ tấm đan bể cứu hỏa, đổ bê tông sân xưởng cao lanh, sửa mái nhà chân không, mái nhà tạo hình I, hệ thống téc nước, làm cửa kho và mái bể nước thải, bếp ăn ka với chi phí 2.379.052.027 đồng.

IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020/2019 (%)
Tổng giá trị tài sản (đồng)	117,427,840,719	131,832,791,636	112.3%
Doanh thu thuần (đồng)	106,009,368,905	119,064,070,915	112.3%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (đồng)	23,843,441,940	28,546,457,846	119.7%
Lợi nhuận khác (đồng)	448,676,705	391,751,252	87.3%
Lợi nhuận trước thuế (đồng)	24,292,118,645	28,938,209,098	119.1%
Thuế thu nhập doanh nghiệp (đồng)	4,904,191,590	4,072,979,593	83.1%
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	19,387,927,055	24,865,229,505	128.3%
Lãi cơ bản trên cổ phần (đ/CP)	2,970	3,093	104.1%
Tỷ lệ trả cổ tức (%)	32	(dự kiến) 26	81.3%

2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	So sánh 2020/2019 (%)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	3.95	5.46	138.23
+ Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	2.28	3.54	155.25
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	17.25	12.66	73.40
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	20.84	14.49	69.54
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Vòng quay hàng tồn kho: (Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân)	2.02	2.08	103.18
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0.90	0.90	100.04
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0.18	0.21	114.19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0.20	0.22	108.24
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0.17	0.19	114.24
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	0.22	0.24	106.60

V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

1. Tình hình vốn và cổ đông

- Vốn điều lệ:** 81.599.210.000 đồng (Tám mươi một tỷ năm trăm chín mươi chín triệu hai trăm mười nghìn đồng), chia thành 8.159.921 cổ phần phổ thông với mệnh giá 10.000 đ/cổ phần (không có cổ phần ưu đãi).
- Tổng số cổ đông:** 206 cổ đông (theo danh sách VSD chốt ngày 29/03/2021).

Trong đó:

- Cổ đông lớn:** 06 cổ đông, nắm giữ: 4.121.850 CP bằng 50,51% vốn điều lệ.
- Cổ đông nhỏ:** 201 cổ đông, nắm giữ: 4.038.071 CP bằng 49,49% vốn điều lệ.

2. Cơ cấu vốn cổ đông

Danh mục	Công ty chỉ có cổ đông trong nước		
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị	Tỷ lệ (%)
1. Cổ đông Nhà nước:	0	0	0
2. Cổ đông nội bộ: (HĐQT, Ban Tổng giám đốc, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng)	2.805.469	28.054.690.000	34,38

3. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên)

Số TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Số cổ phần (CP)	Tỉ lệ góp vốn (%)	Số giấy CMND /Giấy CNĐKKD
1	Ông Nguyễn Khắc Sơn	Số 851, Tổ 11, P.Minh Tân, Tp.Yên Bái,	528.000	6,47	060146541
2	Bà Nguyễn Thị Kim Hoa	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	602.135	7,38	060577485
3	Ông Nguyễn Tĩnh Chinh	Tổ 3, Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội	773.087	9,47	019038000005
4	Bà Định Thị Lụa	Tổ 48, P. Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	475.000	5,82	060164784
5	Ông Vũ Ngọc Cường	Số 39, Đường Đỗ Ngọc Thạnh, P.14, Q.5, Tp.Hồ Chí Minh	870.551	10,67	013639883
6	Ông Vũ Ngọc Hiếu	Tổ 9, P.Minh Tân, TP.Yên Bái, tỉnh Yên Bái	873.077	10,70	061042712
	Cộng		4.121.850	50,51	

4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Trong năm vốn đầu tư của chủ sở hữu thay đổi từ 65.279.560.000 đồng lên 81.599.210.000 đồng.

5. Giao dịch cổ phiếu quỹ

Công ty không có cổ phiếu quỹ nên không có giao dịch.

6. Chứng khoán khác

Không.

VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của công ty trong năm là 10.751,7 (năm 2019: 7.342,2 tấn).
- Báo cáo tỷ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của công ty:
 - + Tỷ lệ thu hồi mộc: 77% (năm 2019: 78%), phế phẩm công đoạn này được thu hồi tái sử dụng 100%.
 - + Tỷ lệ thu hồi nung 88,16% (năm 2019: 88,79%), phế phẩm công đoạn này được các đơn vị sản xuất vật liệu xây dựng khác mua lại 100% để làm nguyên liệu đầu vào.

2. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tiêu thụ điện năng: 1.896.153kW, bằng 114,7 % so với năm 2019 (năm 2019: 1.653.841 kW).
 - Mức tiêu hao: 521,49 kW/tấn sản phẩm nhập kho, bằng 99,04% so với năm 2019 (năm 2019 là 526,53 kW/tấn SP nhập kho).
 - Tiêu thụ dầu diesel & gas: 1.437.705 lít & kg (934.148 lít dầu & 503.557 kg gas), bằng 117,8% so với 2019 (năm 2019 là 1.220.453 lít & kg).
- Mức tiêu hao: 395,45 lít/kg/ tấn sản phẩm nhập kho, bằng 101,76% so với 2019 (năm 2019 là

388,56 lít, kg).

b) Các giải pháp sáng kiến tiết kiệm năng lượng:

- Cải tiến biện pháp quản lý, giám sát chặt chẽ, tuân thủ quy trình công nghệ, nâng cao tỷ lệ thu hồi sản phẩm để tiết kiệm năng lượng.
- Thay bóng điện tròn sợi đốt bằng bóng led để tiết kiệm điện; cải tạo nhà xưởng, dùng tấm lấy ánh sáng để tăng sử dụng ánh sáng tự nhiên.
- Có giải pháp hữu ích tháo bớt một tầng bón liệu của máy đùn ép hồi liệu; Cải tạo, nâng cấp, thay thế một số thiết bị cũ, tiêu thụ nhiều điện năng bằng thiết bị mới tiêu ít điện năng.
- Cải tạo lại hệ thống điện để giảm tổn thất điện năng.
- Cải tạo hệ thống cung cấp, thu hồi, tuần hoàn tái sử dụng nước, giảm lượng điện bơm nước.

c) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Giảm 12,85% mức tiêu hao trên tấn sản phẩm so với năm 2019.

3. Tiêu thụ nước

- Lượng nước sử dụng để sản xuất kinh doanh: 28.464 m³, bằng 100,86 % so với năm 2019 (năm 2019 là 28.464 m³).
Mức tiêu hao: 7,9 m³/ tấn sản phẩm nhập kho, bằng 87,15% so với 2019 (năm 2019 là 9,06 m³/tấn sản phẩm nhập kho).
- Nguồn cung cấp nước: Nước suối (dùng sản xuất), nước máy và nước ngầm (dùng sinh hoạt).
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 95% thu hồi, tuần hoàn, tái sử dụng (tăng 10% so với năm 2019).

4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Công ty đã và đang áp dụng Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn quốc tế ISO14001:2015, nên công ty luôn tuân thủ các yêu cầu pháp luật về môi trường, ảnh hưởng của sản xuất, kinh doanh đến môi trường được giám sát và giảm thiểu. Công ty đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Yên Bái cấp phép xả thải, sở Tài nguyên - Môi trường cấp xác nhận công trình bảo vệ môi trường; kết quả quan trắc môi trường theo định kỳ, các chỉ tiêu môi trường đều ở mức cho phép của quy chuẩn môi trường Việt Nam. Bên cạnh đó, từ cuối năm 2018 công ty đã cải tạo, chuyển đổi lò nung số 3 từ đốt bằng dầu sang đốt bằng gas LPG càng góp phần giữ gìn bảo vệ môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, nâng cao chất lượng và tỷ lệ thu hồi sản phẩm. Năm 2020 công ty đã ký hợp đồng tiếp tục cải tạo, chuyển đổi lò nung số 1 từ đốt bằng dầu sang đốt bằng gas LPG.
- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không.

5. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Số lượng lao động duy trì 209 người. Thu nhập bình quân đạt 8,3 triệu đồng/người/tháng (tăng 2,47% so với năm 2019).

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

- Trong năm, công ty phối hợp cùng BCH Công đoàn cơ sở chăm lo tốt đời sống vật chất, tinh thần, cải thiện điều kiện làm việc, thu nhập... cho đoàn viên, người lao động, nhất là những người lao động có hoàn cảnh khó khăn. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, thỏa ước lao động tập thể. Đảm bảo bữa ăn ca tại chỗ cho người lao động với mức 21.000 đồng/xuất; bồi dưỡng 2 hộp sữa, 1 kg đường/người/tháng; Bồi dưỡng ca 3, độc hại; đảm bảo các chế độ về bảo hộ lao động, ốm

đau, thai sản cho người lao động kịp thời, đúng chế độ chính sách. 100% người lao động đều được ký hợp đồng lao động và tham gia đóng BHXH, BHYT, BHTN, mua BHTT, người lao động được cấp thẻ BHYT và sổ BHXH. Bên cạnh đó chi tặng quà ngày sinh nhật cho mỗi người lao động 500.000 đồng/người/năm; chi nhân ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3, ngày Phụ nữ VN 20/10 với tổng số tiền 83.000.000 đồng. Năm 2020 có 74 đoàn viên công đoàn đạt đoàn viên xuất sắc, 24 đoàn viên đạt phụ nữ xuất sắc hai giới, 20 tổ công đoàn đạt tổ công đoàn vững mạnh được BCH Công đoàn CS khen thưởng với tổng mức chi 25.650.000 đồng.

- Chủ động và phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và xã hội, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội đánh giá, chứng nhận về mức lao động độc hại, nặng nhọc cho các công đoạn sản xuất làm cơ sở cung cấp các chế độ phù hợp với điều kiện lao động.
- Cải tạo hệ thống nhà xưởng đảm bảo đủ ánh sáng, thông gió, đảm bảo thoáng mát. Sửa chữa, đầu tư mới các thiết bị bảo hộ, bảo hiểm. Duy trì tốt hệ thống vệ sinh đảm bảo sạch sẽ và các công trình phúc lợi.
- Duy trì khám sức khỏe định kỳ cho người lao động 01 lần/năm. Duy trì tốt hoạt động của mạng lưới an toàn vệ sinh viên.

6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với lao động, cộng đồng địa phương

- Trong năm, công ty phối hợp cùng BCH Công đoàn cơ sở đã vận động đoàn viên công đoàn quyên góp ủng hộ ủng hộ "Quỹ tấm lòng vàng" 10.900.000 đồng, trợ cấp khó khăn đoàn viên công đoàn người lao động có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, tặng quà, ủng hộ các phong trào văn hoá, văn nghệ, thể thao, ủng hộ đồng bào có hoàn cảnh khó khăn, bão lũ, đền ơn đáp nghĩa, xây dựng nông thôn mới... với tổng số tiền trên 364.050.000 đồng; nhận hỗ trợ 1 học sinh là con một gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn với mức hỗ trợ 1 triệu đồng/tháng.

PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2020

1. Về hoạt động sản xuất - kinh doanh

❖ *Những ưu điểm :*

- Các chỉ tiêu nhiệm vụ cơ bản đều hoàn thành và hoàn thành vượt mức kế hoạch, trong đó có những chỉ tiêu chủ yếu hoàn thành vượt mức cao như: doanh thu, tiền về, sản lượng sản xuất, nộp ngân sách, lợi nhuận.
- Công tác bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng, cải tiến phối liệu... có những tiến bộ, qua đó hoạt động sản xuất, tỷ lệ thu hồi nung sản phẩm giữ được ổn định, sản lượng sản xuất tăng hơn so với cùng kỳ; các hệ thống quản lý và công cụ kiểm soát chất lượng duy trì tốt đã khắc phục, giảm thiểu khuyết tật.
- Tiếp tục nghiên cứu và đã triển khai ký hợp đồng với trường ĐHBK về nghiên cứu chế tạo một số sản phẩm sứ cao thế 110-220kV, tuy nhiên mới đang trong quá trình nghiên cứu thử nghiệm.
- Hoạt động kinh doanh bán hàng, thu tiền có mức tăng trưởng khá, thị trường tiếp tục được giữ vững.
- Thực hiện nghiêm túc các yêu cầu của pháp luật về lao động, môi trường, phòng chống cháy nổ, công tác bảo hộ lao động, đảm bảo môi trường lao động vệ sinh an toàn.

- Các nguồn lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm. Trong năm đã đầu tư máy móc thiết bị, XDCCB và sửa chữa cải tạo một số hạng mục công trình như: Lò nung thí nghiệm, máy tráng men tự động TQ, hệ thống PCCC, tháp và téc nước, nhà đóng bao bì gỗ, kho phụ kiện, nhà tạm để xe máy, xây tường rào, đồ tắm đan bể cứu hỏa, đồ bê tông sân xưởng cao lanh, sửa mái nhà chân không, mái nhà tạo hình I, hệ thống téc nước, làm cửa kho và mái bể nước thải, bếp ăn ka với chi phí 2.379.052.027 đồng.
- Qua đó đạt và vượt mức chỉ tiêu lợi nhuận, đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động, bảo toàn vốn và hoàn thành các nghĩa vụ với Nhà nước và xã hội.
- ❖ *Tuy nhiên bên cạnh đó còn một số hạn chế như:*
 - Còn chưa thực sự làm chủ công nghệ, thiết bị sản xuất nên có những tháng tỷ lệ thu hồi sản phẩm giảm, không đáp ứng kịp yêu cầu về số lượng và chất lượng sản phẩm cung cấp cho khách hàng. Công tác chế thử để tạo ra sản phẩm mới có cải thiện nhưng vẫn còn hạn chế.
 - Việc việc duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, kiểm soát máy móc, thiết bị vẫn còn hạn chế, thiếu nhân lực.
 - Hoạt động nắm bắt thông tin, khách hàng, dự báo tình hình thị trường của các văn phòng đại diện còn hạn chế, chưa kịp thời.

2. Những tiến bộ của công ty năm 2020

- ✓ Thị trường, khách hàng tiếp tục được giữ vững, tạo được lòng tin với khách hàng; không phát sinh công nợ khó đòi mới mà còn giảm mức dư nợ khách hàng so với cùng kỳ năm trước.
- ✓ Doanh thu, lợi nhuận, sản lượng sản xuất đều hoàn thành vượt mức kế hoạch và tăng cao hơn so với năm 2019. Hoàn thành đầy đủ các nghĩa vụ với Nhà nước, đặc biệt đã trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê 50 năm cho Nhà nước và các chế độ cho người lao động. Thu nhập của người lao động ổn định và tăng hơn so với năm trước.
- ✓ Duy trì và thực hiện tốt các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn Quốc tế ISO9001:2015; ISO14001: 2015; ISO/IEC 17025: 2017 và hợp chuẩn sản phẩm theo TCVN 7998-1: 2009.
- ❖ **Kết quả thi đua năm 2020:**
 - ✓ Về Tập thể: 4 tập thể đạt lao động tiên tiến; 19 tập thể đạt lao động xuất sắc (Trong đó: đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng bằng khen cho 3 tập thể). Đề nghị Chính phủ tặng Cờ thi đua xuất sắc cho tập thể Công ty cổ phần Sứ kỹ thuật Hoàng Liên Sơn.
 - ✓ Về cá nhân: 148 cá nhân đạt LĐTT và 42 cá nhân đạt chiến sĩ thi đua cơ sở (Trong đó: đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng bằng khen cho 10 cá nhân).
 - ✓ Về Sáng kiến cải tiến kỹ thuật:
 - Có 10 sáng kiến, giải pháp hữu ích đã được Hội đồng khoa học kỹ thuật công ty xét duyệt với tổng số tiền thưởng là 154 triệu đồng.
 - ✓ Công tác xây dựng Đảng và duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị Công đoàn, Đoàn Thanh niên, Hội Cựu chiến binh được quan tâm tạo điều kiện. Các hoạt động của các tổ chức chính trị đã tạo ra được không khí vui tươi, phấn khởi hăng say lao động sản xuất và được cấp trên đánh giá cao.

II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

1. Tình hình tài sản

- Số liệu tổng giá trị tài sản thời điểm 31/12/2020 là 131.832.791,636 đồng, bằng 112,3% so với năm 2019.

2. Tình hình công nợ

- Năm 2020 công ty xác định có đầy đủ khả năng thanh toán 100% đối với tất cả các khoản công nợ phải trả; hệ số thanh toán ngắn hạn = 5,46 (so với cùng kỳ = 138,23%), hệ số thanh toán nhanh = 3,54 (so với cùng kỳ = 155,25%).

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Phân công công việc, phân cấp trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên Ban Điều hành, các tập thể và cá nhân người lao động.
- Có chính sách cụ thể, sát thực để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất lao động, cải thiện thu nhập cho người lao động.
- Cải tiến phương pháp quản lý, giám sát để nâng cao chất lượng sản phẩm và tỷ lệ thu hồi sản phẩm.

4. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2021

(Theo kế hoạch chi tiết nêu tại Mục V, phần IV).

5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

(Nêu tại Báo cáo tài chính năm 2020 đã được kiểm toán).

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

(Chi tiết nêu tại Mục VI, Phần II).

PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÔNG TY

I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CỦA HĐQT VÀ CÔNG TY

- ✓ Năm 2020, bên cạnh những thuận lợi thì cũng là năm gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng nặng nề của đại dịch COVID-19; Áp lực cạnh tranh giữa các nhà sản xuất và cung cấp sản phẩm sử dụng cùng loại ngày càng gia tăng, cạnh tranh quyết liệt... làm ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả sản xuất - kinh doanh của công ty. Cơ sở hạ tầng, máy móc, thiết bị mặc dù đã đầu tư thêm một số thiết bị, nhưng nhiều máy móc đã cũ kỹ, sử dụng lâu năm nên hay hỏng hóc, phải sửa chữa thường xuyên. Bên cạnh đó công nghệ sản xuất đã lạc hậu, đội ngũ chuyên gia trong lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ sản xuất của công ty còn thiếu và còn hạn chế..., nhưng với sự đoàn kết, quyết tâm cao của HĐQT, lãnh đạo công ty cũng như toàn thể cán bộ công nhân viên nên các mặt hoạt động của công ty giữ được ổn định và có mức tăng trưởng cao hơn so với năm 2019; sản lượng sản xuất, doanh thu, lợi nhuận, nộp ngân sách đều đạt và vượt mức cao so với kế hoạch kế hoạch; nộp bảo hiểm đầy đủ theo số phát sinh và làm tốt công tác kiểm soát quản trị, bảo toàn được vốn; các nguồn lực được sử dụng hợp lý, hiệu quả, tiết kiệm chi phí, giảm giá thành; tăng thu nhập và đảm bảo đời sống cho người lao động; hoàn thành nhiệm vụ quân sự quốc phòng, đảm

bảo an ninh an toàn công ty. Công tác xây dựng Đảng và duy trì hoạt động của các tổ chức đoàn thể chính trị, chính trị xã hội trong công ty được quan tâm tạo điều kiện.

- ✓ Hoạt động của Hội đồng quản trị thực hiện theo đúng quy định tại Điều lệ, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và pháp luật hiện hành, thường xuyên giám sát hoạt động của Ban điều hành và công ty.
- ✓ Hoàn thành việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 20/6/2020. Thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho các cổ đông đúng quy định.
- ✓ Hoàn thành kiểm toán độc lập báo cáo tài chính năm 2019 và công bố thông tin công ty đại chúng theo quy định. Hoàn thành quyết toán tài chính các quý của năm và lựa chọn đơn vị cung ứng dịch vụ kiểm toán độc lập đã tiến hành kiểm toán và hoàn thành báo cáo tài chính năm 2020.

II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT

(Được đề cập trong Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, được đăng tải tại mục quan hệ cổ đông trên trang Website www.hoceratec.com.vn của Công ty).

III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2020

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 4 kỳ họp và ban hành 6 nghị quyết về: Thông qua báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2019, định hướng một số chỉ tiêu kế hoạch năm 2020; thông qua thời gian dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020. Quyết định gia hạn thời gian tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 do tình hình dịch bệnh Covid-19. Thông qua triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 vào ngày 20/06/2020 và các tài liệu tổ chức đại hội. Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2020. Thông qua thực hiện việc sửa đổi, cập nhật nội dung thay đổi số vốn điều lệ mới là 81.599.210.000 đồng từ việc tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu vào Điều lệ Công ty, tại những điểm liên quan đến thay đổi số vốn điều lệ và số cổ phần. Thông qua lựa chọn, phê duyệt đơn vị dịch vụ kiểm toán độc lập, để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và báo cáo xác nhận vốn sau mỗi kỳ tăng vốn của công ty; thông qua việc thanh lý một số tài sản của công ty; thông qua chủ trương trả toàn bộ tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê 50 năm cho Nhà nước; thông qua việc chi trả trước khoản tiền 20% thù lao năm 2020 cho các thành viên HĐQT.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng giám đốc đã chủ động, tích cực, cẩn trọng trong điều hành, tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, hoàn thành tốt nhiệm vụ năm 2020, đảm bảo lợi ích hợp pháp của công ty và các cổ đông.

V. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT

1. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2021

Trên cơ sở đánh giá kết quả lãnh đạo thực hiện nhiệm vụ năm 2020 và nhận định tình hình chính trị, kinh tế xã hội trong nước và thế giới năm 2021 vẫn còn diễn biến phức tạp, đặc biệt hiện đang bị ảnh hưởng nặng nề bởi dịch bệnh COVID-19; bên cạnh đó điều kiện sản xuất - kinh doanh của công ty có cả những thuận lợi và đan xen khó khăn, thách thức... Do đó HĐQT đề xuất một số chỉ tiêu kế hoạch, nhiệm vụ trọng tâm năm 2021 như sau:

- Sản lượng sản xuất, tiêu thụ: 3.200 tấn;
- Doanh thu tiêu thụ: 105 tỷ đồng;

- Thu tiền về: 115 tỷ đồng;
- Nộp ngân sách: Đủ số phát sinh (dự kiến 8,2 tỷ đồng);
- Nộp BHXH, BHYT, BHTN: Đủ số phát sinh (dự kiến 4,5 tỷ đồng);
- Lợi nhuận trước thuế: Đạt từ 18% doanh thu trở lên;
- Tạo việc làm ổn định cho khoảng 210 lao động với thu nhập bình quân người lao động đạt từ 8,0 triệu đồng/người/tháng trở lên;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ an ninh, quốc phòng; Tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức Đảng và các đoàn thể hoạt động.

2. Một số nhiệm vụ và giải pháp cơ bản để thực hiện kế hoạch năm 2021

❖ Nhóm giải pháp về tổ chức, quản trị:

- Tiếp tục đổi mới công tác quản trị, điều hành nội bộ, phân định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của từng cá nhân, bộ phận, lãnh đạo. Thực hiện tốt cơ chế thưởng - phạt rõ ràng để khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả công việc. Kịp thời điều chỉnh lương - thu nhập khi có bất hợp lý trong quá trình thực hiện; Sửa đổi, bổ sung hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật, đơn giá các quy định nội bộ nếu bất hợp lý.
- Duy trì tốt công tác quản lý trật tự nội vụ; giữ nghiêm kỷ luật về giờ giấc làm việc, nghỉ ngơi; Tổ chức đào tạo kiến thức quản lý và kiến thức chuyên môn đối với cán bộ và tổ chức đào tạo tay nghề, kiến thức về an toàn, vệ sinh, phòng chống bệnh nghề nghiệp và ý thức tự giác thực hiện nhiệm vụ đối với người lao động.

❖ Nhóm giải pháp cho hoạt động kinh doanh, đầu tư - tài chính:

- Tiếp tục đầu tư, đổi mới dần các hạng mục thiết bị (như hoàn thành sửa chữa cải tạo lò nung số 1 sang đốt bằng LPG, đầu tư máy máy lọc ép, máy tạo hình ngang, các thiết bị phục vụ nghiên cứu, phân tích, kiểm tra, thử nghiệm...); đầu tư cho nghiên cứu khoa học, công nghệ, từng bước đổi mới và áp dụng công nghệ sản xuất sử dụng cách điện tiên tiến áp dụng vào quá trình sản xuất của công ty để không ngừng nâng cao chất lượng sản phẩm, tạo ra được các sản phẩm mới và sản phẩm đặc thù cho ngành điện lực.
- Tiếp tục cải tiến, đổi mới phương thức, cơ chế quản lý, điều hành bán hàng, thanh toán tiền, dịch vụ bán hàng, hoạt động quảng bá thương hiệu, nhãn hiệu hàng hóa để giữ vững ổn định và phát triển thị trường tiêu thụ sản phẩm. Tiếp tục tìm hiểu phân loại khách hàng để có cơ chế mua bán phù hợp, đảm bảo không để khách hàng chiếm dụng vốn; không để phát sinh công nợ khó đòi mới.
- Tăng cường công tác thị trường, tiếp xúc khách hàng, xúc tiến thương mại..., để nắm bắt và dự báo tốt tình hình thị trường, khách hàng, linh hoạt giải quyết tất cả các thương vụ để duy trì và phát triển khách hàng, thị trường.
- Đánh giá lựa chọn đơn vị cung cấp vật tư, chống độc quyền trong việc cấp hàng hóa; tích cực tìm kiếm nhà cung cấp hàng hóa, vật tư, cung ứng dịch vụ tốt, đáp ứng yêu cầu chất lượng, tiến độ cho sản xuất đồng thời có sự cạnh tranh để đảm bảo hiệu quả và sự chủ động;
- Xây dựng kế hoạch và kiểm soát thực hiện sử dụng vốn, tài sản, khấu hao đáp ứng được yêu cầu quản trị - điều hành.

❖ Nhóm giải pháp về kỹ thuật, sản xuất và quản lý chất lượng:

- Kiểm soát tốt và nâng cao hiệu quả của việc tách riêng hai dây truyền sản xuất; tích cực tìm kiếm các giải pháp làm tăng và duy trì ổn định tỷ lệ thu hồi sản phẩm. Tiếp tục duy trì thực hiện các biện pháp cụ thể để tiết kiệm chi phí sản xuất.

- Lập kế hoạch cụ thể và chủ động thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa máy móc thiết bị, nhà xưởng; lập nhu cầu và kế hoạch cung ứng vật tư, phụ tùng thiết bị quan trọng... để đảm bảo tiến độ sản xuất - cấp hàng; chủ động trong việc phòng ngừa, xử lý không để xảy ra sự cố và khắc phục nhanh, có biện pháp phòng ngừa sự cố trong sản xuất.
- Tiếp tục nghiên cứu thay đổi cải tiến công nghệ, phối liệu, đáp ứng yêu cầu của thị trường và phát triển thị trường - sản phẩm mới, kỹ thuật cao. Tăng cường năng lực cho nghiên cứu, thiết kế chế thử sản phẩm mới để thỏa mãn nhu cầu của khách hàng. Trước mắt phấn đấu làm được một vài loại sản phẩm sứ cao thế 110kV - 220kV để đưa vào thị trường và một số sản phẩm sứ cách điện mà khách hàng đòi hỏi yêu cầu kỹ thuật, độ chính xác cao...; thực hiện được bài men và chu trình đốt nung lại sản phẩm.
- Thực hiện nghiêm công tác kiểm tra, giám sát, thử nghiệm chất lượng vật tư, nguyên nhiên vật liệu đầu vào, sản phẩm nhập kho theo đúng tiêu chuẩn cơ sở và tiêu chuẩn quy định của sản phẩm; có biện pháp kiểm tra nhanh và kiểm soát được các thông số của quá trình gia công nguyên liệu. Tiếp tục phát huy việc áp dụng của 3 Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế ISO9001, ISO14001, ISO/IEC17025 và công cụ 5S xuyên suốt trong quá trình hoạt động sản xuất - kinh doanh của công ty.

PHẦN V - BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN

(Ý kiến kiểm toán được đề cập trong Báo cáo tài chính năm 2020, đã được kiểm toán và đăng tải tại mục quan hệ cổ đông trên trang website www.hoceratec.com.vn của công ty).

II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

(Báo cáo tài chính năm 2020 đã kiểm toán, được đăng tải tại mục quan hệ cổ đông trên trang website www.hoceratec.com.vn của công ty).

Trên đây là báo cáo thường niên năm 2020, được lập dựa trên cơ sở tổng kết hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2020; kế hoạch, giải pháp năm 2021; định hướng phát triển công ty nhiệm kỳ 2020 - 2025. Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 công ty./.

Nơi nhận:

- Các cổ đông;
- Thành viên HĐQT, BDH;
- Ban kiểm soát;
- Công bố thông tin trên trang điện tử UBCKNN, HNX, công ty;
- Lưu: HĐQT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH




Nguyễn Khắc Sơn

MỤC LỤC

PHẦN I - TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY CỔ PHẦN SỬ KỸ THUẬT HOÀNG LIÊN SON	1
I. THÔNG TIN CHUNG	1
II. QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY	1
1. Quá trình hình thành và phát triển	1
2. Các sự kiện khác.....	2
3. Tình hình phát triển	2
III. NGÀNH NGHỀ KINH DOANH VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH.....	5
1. Ngành nghề kinh doanh	5
2. Địa bàn kinh doanh.....	5
IV. THÔNG TIN VỀ MÔ HÌNH QUẢN TRỊ VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ.....	5
1. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý, điều hành trong công ty.....	5
2. Thông tin về Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành công ty.....	6
2.1. Hội đồng quản trị.....	6
2.2. Ban Kiểm soát:	6
2.3. Ban điều hành.....	7
V. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	7
1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty nhiệm kỳ 2016-2020.....	7
2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.....	7
3. Các rủi ro.....	8
PHẦN II - TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM	8
I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2019	8
II. TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ.....	9
1. Ban điều hành.....	9
2. Số lượng cán bộ công nhân viên và chính sách đối với người lao động.....	10
III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN LỚN	10
IV. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH.....	10
1. Tình hình tài chính.....	10
2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	11
V. CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU	11
1. Tình hình vốn và cổ đông.....	11
2. Cơ cấu vốn cổ đông	11
3. Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên).....	12
4. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu	12
5. Giao dịch cổ phiếu quỹ	12
6. Chứng khoán khác	12
VI. BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY.....	12
1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu.....	12
2. Tiêu thụ năng lượng.....	12
3. Tiêu thụ nước	13
4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường	13
5. Chính sách liên quan đến người lao động	12
6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương.....	14
PHẦN III - BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	14
I. ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT - KINH DOANH NĂM 2019	14
1. Về hoạt động sản xuất - kinh doanh	14
2. Những tiến bộ của công ty năm 2019	14
II. TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH	16

1. Tình hình tài sản	16
2. Tình hình công nợ.....	16
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý	16
4. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2020	16
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán	16
6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty	16
PHẦN IV - ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CÔNG TY.....	16
I. ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT VÀ CÔNG TY.....	16
II. THÙ LAO, CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC LỢI ÍCH KHÁC CỦA HĐQT.....	17
III. TỔNG KẾT CÁC CUỘC HỌP VÀ CÁC QUYẾT ĐỊNH CỦA HĐQT TRONG NĂM 2019.....	17
IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.....	17
V. CÁC KẾ HOẠCH VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA HĐQT	17
1. Kế hoạch sản xuất - kinh doanh năm 2020	17
2. Một số nhiệm vụ và giải pháp cơ bản để thực hiện kế hoạch năm 2020.....	18
PHẦN V - BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	19
I. Ý KIẾN KIỂM TOÁN	19
II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN.....	19